

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....
Bản án số: 202/2020/HSPT
Ngày 06/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Cường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị X Thu

Ông Vũ Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 126/2020/TL-HSPT ngày 16/01/2020 đối với bị cáo Bùi Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Thị N, sinh ngày 08/5/1985 tại tỉnh B; Giới tính: nữ; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Con ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị T; chồng tên là Lê Hồng S (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2008; Danh chỉ bản số 000000336, lập ngày 06/9/2019 tại Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội; Tiền án tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 20/8/2019 đến ngày 28/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm: Luật sư Nguyễn Q.T – Văn phòng luật sư ĐS và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án còn có Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đức X (Sinh năm 1983 Cư trú: Thôn N, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội) và Bùi Thị N (Sinh năm 1985; Cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh B) có mối quan hệ quen biết và mua bán dâm từ trước nên khoảng 10 giờ ngày 20/8/2019 anh X gọi điện thoại cho N rủ lên khu vực TĐ để gặp và bán dâm cho anh X, N đồng ý. Khoảng 30 phút sau, N một mình đi đến điểm hẹn gặp X và cùng ngồi uống nước trong quán cafe NexTop ở khu vực TĐ thuộc địa

phận xã A, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Khi X và N đang uống nước thì anh Nguyễn Văn T (Sinh năm 1988; Cư trú: Thôn N, xã V, huyện L, tỉnh Th, là bạn của anh X) cùng bạn là anh Phan Thành C (Sinh năm 1977; Cư trú: xã M, huyện Th, tỉnh P) đến và cùng ngồi vào bàn với X và N. Trong khi nói chuyện, anh T biết X và N sẽ đi quan hệ tình dục nên anh T hỏi N: “Có bạn không, gọi cho anh để anh đi cho vui”, tức gọi gái bán dâm đến để T mua dâm, N đồng ý và dùng điện thoại của N có số thuê bao 0966.682.087 gọi cho chị Nguyễn Thị Thu H (Sinh năm 1984; Cư trú: Thôn H, xã Th, huyện L, tỉnh B, là bạn của N, số thuê bao 0989.626.522), N nói: “Chị ơi, lên TĐ chơi với bạn em”, tức là đi bán dâm, H hỏi lại: “Được bao nhiêu tiền?”, N trả lời: “Được khoảng 500.000 đồng”, H đồng ý và một mình đi xe ôm đến điểm hẹn là quán cafe Nextop nơi N và T đang ngồi. Lúc này, tại quán cafe anh T đưa cho N số tiền 500.000 đồng là tiền để T mua dâm với H, N không cảm và nói T đưa trực tiếp tiền cho chị H, T đồng ý. Khoảng 30 phút sau, H đi đến điểm hẹn gặp nhóm N, T và X. Sau đó, X điều khiển xe mô tô chở N, T điều khiển xe mô tô chở H cùng nhau đi đến nhà nghỉ VIP thuộc thôn T, xã A, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuê phòng thực hiện việc mua bán dâm, còn anh Ch đi về. Tại nhà nghỉ, chị Nguyễn Thị S (Sinh năm 1964; Cư trú: thôn X, xã HT, huyện TG, tỉnh Th, là nhân viên của nhà nghỉ VIP) đưa chìa khóa phòng, T nhận phòng và đưa H vào phòng 206, X và N vào phòng 202 để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Tại phòng 206, T đưa cho H số tiền mua dâm là 600.000 đồng. Tại phòng 202, X đưa cho N số tiền mua dâm là 600.000 đồng. H và N nhận tiền để quan hệ tình dục với T và X. Khi T – H, N - X đang quan hệ tình dục thì Công an huyện Đ kiểm tra, phát hiện và đưa về trụ sở để giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 03 (ba) chiếc điện thoại di động, trong đó: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG SM J400 màu vàng, số imel: 358131/09/29760217 và imel: 358132/09/297602/5 bên trong lắp sim số thuê bao 0966.682.087 thu giữ của Bùi Thị N. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đỏ, bên trong lắp sim số thuê bao 0989.626.522 thu giữ của Nguyễn Thị Thu H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1208 màu đen, bên trong lắp sim số 0903.292.687 thu giữ của Nguyễn Đức X; 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng; 02 (hai) vỏ bao màu xám, trên một mặt có chữ “EROS” (thu giữ tại phòng 202, 206 của Nhà nghỉ); Tiền Việt Nam đồng: 1.200.000 đồng (gồm 02 (hai) tờ mệnh giá 500.000 đồng và 02 (hai) tờ mệnh giá 100.000 đồng) do N và H giao nộp và khai nhận số tiền này là do khách mua dâm (T và X) trả trước khi thực hiện việc quan hệ tình dục (mua bán dâm).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Thu H là các đối tượng mua bán dâm khai nhận trước đó không có quan hệ quen biết, tình cảm gì. Ngày 20/8/2019, T và H gặp nhau để thực hiện việc quan hệ tình dục có trả tiền (mua bán dâm) là do Bùi Thị N làm trung gian, giới thiệu và dẫn dắt. Cùng ngày, Bùi Thị N đã bán dâm cho Nguyễn Đức X bị Cơ quan công an phát hiện và thu giữ vật chứng. Ngày 25/10/2019, Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Đức X, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu H, Bùi Thị N về hành vi mua dâm, bán dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định

167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Đối với Nhà nghỉ VIP ở thôn A, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội: Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Duy Tr (Sinh năm 1988: Cư trú: Tổ 10, phường DV, quận G, thành phố Hà Nội, làm chủ Nhà nghỉ), anh Nguyễn QT (Sinh năm 1997; Cư trú: Thôn XT, xã Th, huyện G, tỉnh Th) và chị Nguyễn Thị S là nhân viên không biết việc các đối tượng thuê phòng thực hiện việc mua bán dâm nên không xem xét xử lý hành vi chứa mại dâm. Tuy nhiên, quá trình kiểm tra xác định việc theo dõi lưu trú của nhà nghỉ không đầy đủ, không ghi tên khách vào sổ lưu trú theo quy định, vi phạm quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Ngày 25/10/2019, Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Nguyễn Duy Tr về hành vi nêu trên theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự. Tại Cơ quan điều tra, phiên toà sơ thẩm: Bùi Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 32; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị N phạm tội “Môi giới mại dâm”

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị N 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 20/8/2019 đến ngày 28/8/2019.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về Xử lý vật chứng; Án phí; Quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2019 bị cáo Bùi Thị N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Không có ý kiến gì về tội danh, điều khoản luật cấp sơ thẩm áp dụng để xét xử bị cáo; Khai báo thành khẩn như tại cơ quan điều tra và tại cấp sơ thẩm; Ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị cáo xin được giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo; Xét xử bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự và xử phạt từ 6 đến 7 tháng tù; Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Không có ý kiến gì về tội danh, điều, khoản luật cấp sơ thẩm áp dụng xét xử bị cáo; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ: Khai báo thành khẩn, Ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và là người dân tộc nên đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; Phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/8/2019, Bùi Thị N thỏa thuận bán dâm cho anh Nguyễn Đức X với giá là 600.000 đồng. Cùng thời điểm này, với mục đích tìm người để anh Nguyễn Văn T (là bạn của anh X) mua dâm, N đã gọi điện, làm trung gian môi giới Nguyễn Thị Thu H (là bạn của N) đi bán dâm cho anh T với giá mua bán dâm là 600.000 đồng. Khi N và H đang thực hiện việc mua, bán dâm với anh X và anh T tại Nhà nghỉ VIP thuộc xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội thì bị Công an huyện Đ phát hiện và đưa về trụ sở Cơ quan công an để giải quyết.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Thị N về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục và trật tự an toàn xã hội. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Khai báo thành khẩn và Ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là đúng, nhưng chưa áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Bị cáo là người dân tộc Mường, trình độ nhận thức hạn chế; Bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo, nên các tình tiết này được coi là tình tiết mới, được áp dụng có lợi cho bị cáo tại cấp phúc thẩm. Do bị cáo được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, chấp hành án.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng giảm hình

phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bùi Thị N; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội về quyết định hình sự; Giảm hình phạt cho bị cáo.

Áp dụng: khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bùi Thị N **06 (sáu) tháng** tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/8/2019 đến ngày 28/8/2019.

II. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 06/3/2020.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án ND huyện Đ;
- Viện kiểm sát ND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Huy Cương

